TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 557/2026/HNGĐ-ST Ngày: 10/6/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Bùi Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Đặng Thị C, sinh năm 1978.

Số CCCD 001178xxxxxx; ngày cấp 22/12/2021. Nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Thôn V, xã P, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973.

Số Căn cước/CCCD 001073xxxxxx

Nơi thường trú: Thôn V, xã P, Thành phố Hà Nội.

(Bà C có mặt, Ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà C trình bày:

Bà C và ông Nguyễn Văn Đ là người cùng thôn, tự do tìm hiểu nhau khoảng một thời gian ngắn thì tự nguyện kết hôn. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Hà Nội, vào ngày 30/01/1997, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, bà C và

ông Đ sống cùng với bố mẹ ông Đ tại thôn V, xã P, thành phố Hà Nội đến khoảng năm 2003 thì ông bà chuyển ra sinh sống tại nhà riêng cũng tại địa chỉ thôn V, xã P, thành phố Hà Nội. Bà C và ông Đ sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai bên không còn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau những vấn đề phát sinh trong đời sống hôn nhân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Gia đình hai bên có biết mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông Đ, đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Bà C và ông Đ đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, bà C và ông Đ có gặp nhau nhưng chỉ để trao đổi những vấn đề liên quan đến con chung, đến công việc và sức khỏe của bố mẹ hai bên, ngoài ra không đề cập vấn đề đoàn tụ, không thực hiện bất kỳ biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002.(Các con chung đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng ông Đ đều vắng mặt. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông Đ để tống đạt tài liệu và lấy ý kiến đương sự, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/05/2026, ông Đ trình bày: Ông và bà Đặng Thị C lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Hà Nội năm 1997 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà C sống cùng với bố mẹ ông Đ tại thôn V, xã P, thành phố Hà Nội đến khoảng năm 2003 thì ông Đ và bà C chuyển lên Hà Nội để sinh sống làm kinh tế. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp về tính cách nên hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2021 đến nay. Hai bên gia đình có biết mâu thuẫn và có hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông Đ và bà C đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm được ba năm. Trong thời gian sống ly thân, ông Đ và bà C vẫn gặp nhau. Nay Bà C xin ly hôn, Ông Đ có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu bà C cương quyết xin ly hôn thì ông Đ đồng ý. Về con chung: Ông Đ,bà C có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002. (các con chung đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên ông Đ đề nghị Tòa án xem xét cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

* Theo lời khai của Nguyễn Khánh L và Nguyễn Tấn D là con chung của Bà C và ông Đ: Trong quá trình chung sống, 02 con chung biết việc bà C và ông Đ có phát sinh mẫu thuẫn và bà C đã có đơn xin ly hôn tại Tòa án. Chị L và anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C và ông Đ được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

* Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Đ1, là trưởng thôn Thôn Văn L1, xã P, thành phố Hà Nội thể hiện: Ông Đ và bà C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình ủng hộ, tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục, tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là xã P, thành phố Hà Nội) vào ngày 30/01/1997. Sau khi kết hôn, ông Đ và bà C sống cùng với bố mẹ ông Đ tại thôn V, xã P, thành phố Hà Nội đến khoảng năm 2003 thì chuyển ra sinh sống tại nhà riêng cũng tại địa chỉ cùng thôn. Ông Đ và bà C sống hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách, không tìm được tiếng nói chung. Do mẫu thuẫn trầm trọng và không tự hòa giải được nên ông Đ và bà C đã sống ly thân, không sống cùng nhà với nhau tại địa phương. Về con chung: Ông Đ và bà C có 02 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002; cả 02 con chung đều đã trưởng thành. Nay bà C yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà C xử cho bà C được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà C,ông Đ có 02 con chung Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002 (đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét;

Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã xã P, thành phố Hà Nội, cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, thường trú tại Thôn V, xã P, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Đặng Thị C và Ông Nguyễn Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/1997, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Bà C và ông Đ không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp về tính cách và đời sống tình cảm dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại phiên tòa, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, bà đề nghị được ly hôn với ông Đ. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, bà Đặng Thị C đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của bà C xin ly hôn.

[3] Về con chung: Bà C, ông Đ có 02 con chung Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002 (đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Đặng Thị C đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Đặng Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà C, ông Đ có 02 con chung là chị Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 2002 (đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà Đặng Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/26E/0006715 ngày 20 tháng 03 năm 2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND KV 11 – Hà Nội;
- Phòng THADSKV11 -Hà Nội;
- UBND xã Phú Xuyên (Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 30/1/1997);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.